

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 634/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn A (có mặt)

Địa chỉ: Số X Tô K, Ấp L, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Lưu Thị Mộng T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số X Tô K, Ấp L, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông Nguyễn Văn A và bà Lưu Thị Mộng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2001 tại UBND xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi và xúc phạm nhau, vợ chồng không hòa hợp. Dù hai bên đã cố gắng hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến năm 2017, ông A và bà T sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên hệ. Nay ông A nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên ông A yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông A và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Trường Th (sinh ngày 18/02/1995), Nguyễn Thị Trường Á (sinh ngày 23/5/1997) và Nguyễn Duy K (sinh ngày 16/5/2007). Nguyễn Trường Th và Nguyễn Thị Trường Á đã trưởng thành. Hiện tại trẻ Nguyễn Duy K đang sống cùng bà T, bà T chăm sóc, nuôi dạy con, đưa đón con đi học hàng ngày. Nên sau khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống của trẻ được ổn định, ông A giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy K. Ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, bị đơn bà Lưu Thị Mộng T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, đến năm 2001 hai người đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh ngày 26/12/2001.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng ông A, bà T chung sống hạnh phúc. Đến khi bà T sinh con thứ ba vào năm 2007, vợ chồng bà T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, xúc phạm nhau, đời sống chung không hòa hợp. Ông A và bà T cố gắng hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng bà T không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên ông A xin ly hôn, bà T đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Trường Th (sinh ngày 18/02/1995), Nguyễn Thị Trường Á (sinh ngày 23/5/1997) và Nguyễn Duy K (sinh ngày 16/5/2007). Nguyễn Trường Th và Nguyễn Thị Trường Á đã trưởng thành. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy K, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Năm 2016, ông Nguyễn Văn A tự ý bán căn nhà chung tại Ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn mà không có sự đồng ý của bà T. Giá bán thời điểm đó là 580.000.000đồng. Nay bà T yêu cầu chia tài sản chung từ số tiền bán căn nhà chung đó, cụ thể bà T yêu cầu ông A chia cho bà T số tiền 100.000.000đồng.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Lưu Thị Mộng T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 93, Quyền số 01/2002 ngày 26/12/2001 do UBND xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà T là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của ông A: Căn cứ lời khai của các đương sự thì đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng ông A, bà T có phát sinh mâu thuẫn và tình trạng này vẫn kéo dài trong nhiều năm và vợ chồng sống ly thân ít nhất là từ năm 2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng ông A, bà T vẫn không thể đoàn tụ. Tại tòa, ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý ly hôn. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của ông A và bà T đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho ông A được ly hôn với bà T.

[6] Về con chung: Ông A và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Trường Th (sinh ngày 18/02/1995), Nguyễn Thị Trường Á (sinh ngày 23/5/1997) và Nguyễn Duy K (sinh ngày 16/5/2007). Nguyễn Trường Th và Nguyễn Thị Trường Á đã trưởng thành. Hiện tại trẻ Nguyễn Duy K đang sống cùng bà T. Ông A và bà T đều thống nhất giao cháu Khang cho bà T trực tiếp nuôi. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của cháu Khang, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Khang cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng.

[8] Về tài sản chung: Ông A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Bà T có Đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, theo đó, bà T yêu cầu ông A chia cho bà T số tiền 100.000.000đồng từ tiền bán căn nhà chung tại Ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn. Ngày 07/9/2020, Tòa án đã có Thông số 17/2020/TB-TA cho bà T nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của mình, tuy nhiên nhưng bà T không nộp lại cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Ngày 02/11/2020, Tòa án đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho bà T. Vì vậy, trong vụ án này, Tòa án không thụ lý xem xét, giải quyết về tài sản chung.

[9] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng, ông A chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Lưu Thị Mộng T.

2. Về con chung: Ông A và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Trường Th (sinh ngày 18/02/1995), Nguyễn Thị Trường Á (sinh ngày 23/5/1997) và Nguyễn Duy K (sinh ngày 16/5/2007). Nguyễn Trường Th và Nguyễn Thị Trường Á đã trưởng thành. Giao con chung tên Nguyễn Duy K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông A cấp dưỡng nuôi cháu Khang là 3.000.000đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng), thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong, ông A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông A phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà ông A đã nộp theo biên lai số AA/2019/0078197 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông A phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Nhị Bình, H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Phương Nam

